

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ KBANG

Số: 27 /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kbang, ngày 17 tháng 9 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền
dịch vụ môi trường rừng năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KBANG
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và môi trường.

Căn cứ Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/7/2017 của Bộ tài chính quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính v/v quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC, ngày 19/3/2025 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 22/7/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 30/01/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-UBND, ngày 13/3/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang (trước sắp xếp) về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch

vụ môi trường rừng phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng năm 2025 của các xã: Đông, Nghĩa An, Đak Smar, Sơn Lang, Kon Pne và Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện; Trên cơ sở biên bản bàn giao số liệu kế toán của 3 xã (trước sắp xếp) gồm Thị Trấn, xã Đak Smar, xã Lơ Ku về xã Kbang;

Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của UBND xã Kbang về việc phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 18/BC-KTNS ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Ban Kinh tế- Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng năm 2025 trên địa bàn xã, với tổng số tiền là 33.917.857 đồng (ba mươi ba triệu chín trăm mười bảy ngàn tám trăm năm mươi bảy đồng)

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa I, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 17 tháng 9 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- UBMTTQ Việt Nam xã;
- Tổ đại biểu HĐND, Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan đơn vị xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: Văn phòng HĐND và UBND xã



Nguyễn Thanh Dũng

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của HĐND xã Kbang)

ĐVT: Đồng

ST T	Nội dung	KP năm trước tồn chuyển sang	KP năm 2025	Tổng kinh phí thực hiện năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
A	Kinh phí tiền DVMTR dự kiến năm 2025	18.575.844	15.342.013	33.917.857	
1	Kinh phí chưa sử dụng kỳ trước chuyển sang	18.575.844		18.575.844	
2	Kinh phí dự kiến nhận trong năm 2025		15.342.013	15.342.013	
B	Phương án chi	18.575.844	15.342.013	33.917.857	
1.	Chi cho người bảo vệ rừng	9.000.000	15.342.013	24.342.013	
-	Chi quản lý, bảo vệ rừng cho cộng đồng		15.342.013	15.342.013	
-	Chi cho tổ lâm nghiệp xã tuần tra, kiểm tra rừng	9.000.000		9.000.000	
2	Xăng, dầu cho phương tiện tuần tra, kiểm tra rừng	0		0	
3	Hỗ trợ cho những người được huy động tham gia ngăn chặn, chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng bị tai nạn, thương tật;	0		0	
4	Chi phí quản lý: Bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ, công tác kiêm nhiệm; Văn phòng phẩm, công tác phí...	0		0	
-	Chi cho công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của tổ đội, quần chúng. Tham gia công tác tuần tra bảo vệ rừng. VPP, Công tác phí...			0	
5	Phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng;	9.575.844		9.575.844	
-	Xây dựng bảng tuyên truyền, biển báo, biển cảnh báo bảo vệ rừng và PCCC	9.575.844		9.575.844	
6	Hội nghị, hội thảo sơ tổng kết và công tác thi đua khen thưởng;				
7	Các khoản chi khác: Mua sắm Công cụ dụng cụ...				

